

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Mẫu số 31-VDS
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2021/QĐST- HNGĐ

Đắk Hà, ngày 18 tháng 3 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ - TỈNH KON TUM.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993 và chị Bé Thị T, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Bé Thị T kết hôn hợp pháp vào ngày 20/7/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T, nhưng trong cuộc sống vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, tình cảm vợ chồng nhạt phai dần, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng tăng lên nên anh, chị cùng thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh, chị xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hải V, sinh ngày 19/8/2015 và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 19/8/2015 cho chị Bé Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Hải V đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng đối với cháu Nguyễn Hải V .

Xét thấy đây là sự thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về các vấn đề khác: Không.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M và chị Bé Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Bé Thị T nhận chịu toàn bộ số tiền này. Đây là đương sự tự nguyện nhận chịu, xét thấy là phù hợp nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Bé Thị T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Hải V, sinh ngày 19/8/2015 và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 19/8/2015 cho chị Bé Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Hải V đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng đối cháu Nguyễn Hải V.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh Nguyễn Văn M) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*): Là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), anh Nguyễn Văn M và chị Bé Thị T thỏa thuận, chị Bé Thị T nhận chịu toàn bộ số tiền này. Chị Bé Thị T đã nộp đủ số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum theo biên lai số AA/2016/0004457 ngày 24 tháng 02 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND TT Đ;
- Chi cục THADS huyện
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

